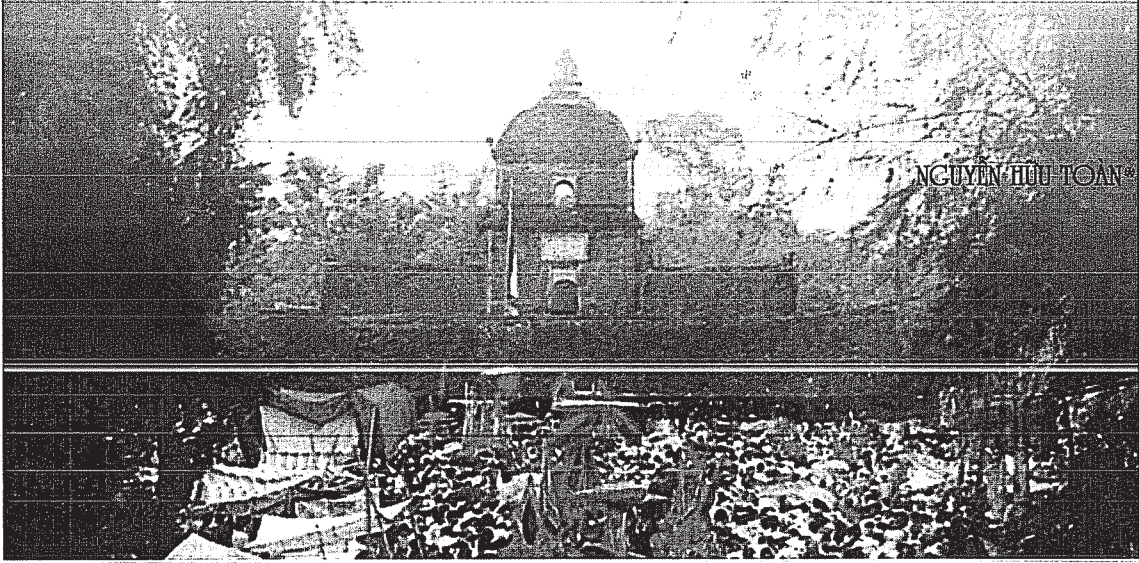


# DI TÍCH Ở VÙNG DẦU

## gợi nghĩ một số vấn đề về

## lịch sử văn hóa Việt Nam



### 1- Đặt vấn đề

Những lớp lang của diễn trình lịch sử văn hóa Việt Nam được ghi nhận/phản ánh qua nhiều nguồn tư liệu khác nhau: thư tịch cổ, truyền thuyết, lễ hội..., trong đó, di tích lịch sử, văn hóa là nơi ẩn chứa kho tàng tư liệu phong phú, đa dạng, đáng tin cậy về vấn đề này. Theo đó, những di tích lịch sử, văn hóa ở vùng Dầu - địa bàn từng giữ vai trò một trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa của nước ta trong nhiều thế kỷ đầu Công nguyên, sẽ là một ngã đường quan trọng để tìm về một số vấn đề lịch sử văn hóa dân tộc trong khoảng thời gian này.

Để giải quyết vấn đề này, chúng tôi xuất phát từ cách nhìn nhận: *Di tích lịch sử - văn hóa không chỉ là những địa điểm, công trình xây dựng còn lại, mà còn bao gồm cả những động sản/hiện vật có trong di tích, những di sản văn hóa phi vật thể được ngưng đọng tại di tích, nhờ*

*có những "vật thể" của di tích nói trên mà được lưu giữ và biểu hiện, cùng toàn bộ môi trường sinh thái - nhân văn bao quanh di tích.* Nhận thức đó hoàn toàn phù hợp với những quy định của *Luật di sản văn hoá* (tại Khoản 3, Điều 4), rằng: "Di tích lịch sử - văn hóa là công trình xây dựng, địa điểm và các di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia thuộc công trình, địa điểm có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học"<sup>1</sup>.

### 2- Khái quát về di tích lịch sử - văn hóa ở vùng Dầu

Trải qua trường kỳ lịch sử hàng ngàn năm, do sự tàn phá của thiên nhiên (nắng lắm, mưa nhiều) và những tác động của con người (chiến tranh, sự phá hại do vô thức hoặc hữu thức), các di tích ở vùng Dầu tuy đã bị xuống cấp, thậm chí bị huỷ hoại nhiều, nhưng nhìn chung, số (di tích) còn lại đến nay vẫn có mật độ khá đậm đặc. Kết quả tổng kiểm kê di tích ở vùng Dầu (huyện Thuận Thành) năm 1994 - 1995 cho biết, trên địa bàn hiện còn 201 di tích, chủ

\* CỤC DI SẢN VĂN HÓA



yếu là các đình, chùa, đền, miếu, nhà thờ họ, lăng tẩm..., được phân bố ở khắp các thôn làng trong vùng.

Trong số những di tích này, có thể chia ra một số nhóm di tích tiêu biểu như:

- Nhóm di tích thờ Kinh Dương Vương, Lạc Long Quân - Âu Cơ và các "nhân vật" có liên quan đến thời kỳ dựng nước và giữ nước đầu tiên.

- Chùa Dâu và các chùa Tứ Pháp.

- Nhóm di tích liên quan đến trị sở của chính quyền đô hộ phương Bắc tại vùng Dâu trong những thế kỷ đầu Công nguyên.

- Nhóm di tích thờ các "tướng lĩnh" của Hai Bà Trưng.

Trong khuôn khổ bài viết này, chúng tôi chỉ tập trung việc khảo sát vào mấy nhóm di tích sau đây:

- Nhóm di tích chùa Dâu và các chùa Tứ Pháp.

- Nhóm di tích liên quan đến trị sở của chính quyền đô hộ phương Bắc tại vùng Dâu trong những thế kỷ đầu Công nguyên.

- Nhóm di tích là nơi thờ các tướng lĩnh của Hai Bà Trưng.

### 2.1 - Di tích chùa Dâu và các chùa Tứ Pháp

2.1.1- *Chùa Dâu*: có nhiều tên gọi khác nhau: chùa Khương Tự, Cổ Châu tự, Thiển Định tự, Diên Ứng tự, Pháp Vân tự, nhưng dân

gian thường gọi là chùa Dâu. Chùa thuộc thôn Khương Tự, xã Thanh Khương. *Sách Đại Nam nhất thống chí* (tập IV) chép về chùa như sau: "Chùa Diên Ứng ở xã Khương Tự, huyện Siêu Loại, có 4 tượng là Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Điện và Pháp Lô, thường tỏ ra anh linh. Đời Trần, Mạc Đĩnh Chi dựng chùa trăm gian, tháp chín tầng và cầu chín dịp, nền cũ nay vẫn còn"<sup>2</sup>. Trải qua mưa nắng, thời gian, chùa đã nhiều lần hư hỏng và cũng đã nhiều lần được tu sửa. Đến nay, chùa Dâu vẫn là một ngôi chùa có quy mô lớn trong vùng.

Chùa gồm nhiều công trình kiến trúc hợp thành. Các công trình kiến trúc chính của chùa đều nhìn về hướng Tây, được xây dựng trên một trục thẳng, thứ tự từ ngoài vào trong như sau:

Tam quan: được xây dựng ở phía trước chùa, bên bờ sông Dâu cổ (gần chỗ cầu Dâu hiện nay). Công trình này đã bị phá



Tượng Pháp Vân chùa Dâu (Bắc Ninh) - Ảnh: Tác giả



huỷ từ lâu, nay vẫn chưa xác định được chính xác dấu vết nền móng cũ.

Sân chùa: hình gần chữ nhật, chiều dài khoảng 150m, chiều rộng khoảng 100m. Bên phải sân chùa là ao chùa. Sân chùa xưa là nơi "hợp" chợ Âm - Dương (còn gọi là chợ Tam bảo), sau này vẫn được sử dụng làm nơi "hợp" chợ của nhân dân trong vùng.

Tiếp liền phía trong sân chùa là các công trình kiến trúc chính, được bố cục theo kiểu "nội công ngoại quốc": tháp Hoà Phong và ba công trình Tiền đường, Thiêu hương, Thượng điện nằm lọt trong bốn dãy nhà quây xung quanh theo hình chữ nhật.

"Bốn dãy nhà quây xung quanh" đó bao gồm: hai dãy hành lang ở hai bên, mỗi dãy 22 gian (dài 50m, rộng 3,8m), Bái vọng đường - toà nhà ở phía trước (có 9 gian, dài 28m, rộng 7m) và Hậu đường - toà nhà ở phía sau.

Tháp Hoà Phong nằm ở trung tâm khoảng sân giữa Bái vọng đường và Tiền đường. Tháp có bình đồ hình vuông, mỗi cạnh đáy dài 6,75m; được xây bằng gạch rỗng "bắt mạch" (không trát tường). Chiều cao toàn bộ tháp khoảng 15m, được chia làm 3 tầng, càng lên cao, tháp càng thu nhỏ lại. Lòng tháp để rỗng, tầng dưới có mở 4 cửa ở 4 phía. Theo nội dung được khắc trên tấm bia 4 mặt, đặt ở phía trước tháp, thì tháp Hoà Phong được khởi công xây dựng tháng 8 năm 1737, đến tháng 4 năm 1738 thì hoàn thành<sup>3</sup>.

Tiền đường là toà nhà 7 gian, dài 21m, rộng 9,5m. Đây là công trình được tu tạo vào năm Khải Định thứ 3 (1918).

Thiêu hương cũng gọi là nhà Cầu, toà này xoay dọc để nối Tiền đường với Thượng điện. Đây là công trình có mặt nền cao hơn Tiền đường 0,37m; kiến trúc đơn giản; chiều dài 9m, chiều rộng 7m.

Thượng điện có mặt nền cao hơn Thiêu hương 0,47m. Đây là toà nhà 1 gian, 2 mái, 4 mái, các góc mái là những đầu đao cong thanh thoát. Nền nhà hình chữ nhật (dài 14m, rộng 10,4m). Trên các bộ phận liên kết khung gỗ của thượng điện đều được chạm khắc nhiều đồ án trang trí hình rồng, mây, hoa lá... Qua các đồ án trang trí này, một số nhà nghiên cứu đã đoán định, toà Thượng điện được khởi dựng từ thời Mạc, tu bổ lớn vào thời Lê (khoảng thế kỷ XVII), sau đấy, còn trải qua nhiều lần tu bổ khác<sup>4</sup>.

Ngoài các công trình kiến trúc chính kể trên, chùa Dầu còn có Nhà tổ (5 gian) và một dãy tầng phòng, được xây dựng ở bên phải chùa. Vườn tháp của chùa để ở phía sau Nhà tổ. Nhân dân địa phương còn cho biết, xưa kia, ở liền phía sau toà Hậu đường, là đền thờ đức Thạch Quang (3 gian), nhưng công trình này đã bị phá hỏng từ lâu.

Phật điện chùa Dầu được bài trí khá đặc biệt:

Toà Tiền đường là nơi đặt hai tượng Hộ Pháp, hai bên là tượng Đức Ông và Đức Thánh Tăng; ở hai hồi nhà là hai dãy tượng Bát bộ Kim Cương.

Toà Thiêu hương: trên ban thờ chính có tượng Thích Ca sơ sinh; áp vách tường hai bên là nơi bày các tượng Thập điện Diêm Vương.

Thượng điện chùa Dầu không bài trí như nhiều ngôi chùa Việt khác ở miền Bắc. Chiếm vị trí trung tâm, trên ban thờ ở gian giữa Thượng điện là tượng Pháp Vân (đặt trong khám). Phía trước tượng Pháp Vân là tượng Pháp Vũ (được chuyển từ chùa Đậu về đây) và khám nhỏ thờ đức Phật Thạch Quang. Hai bên khám thờ này là hai chiếc ghế thờ thời Mạc, trên mỗi ghế đều có một pho tượng nhỏ - truyền rằng, đó là con của Tứ Pháp, thường gọi là Đức Thánh Tái. Tiếp xuống phía dưới, ở vị trí thấp hơn, là hai tượng Kim Đồng, Ngọc Nữ và hai tượng Bà Trắng, Bà Đỏ ở hai bên - Tương truyền, Bà Trắng có tên là Trương Thái Tôn, là người hát ả đào ở làng Thanh Tương, đã lấy chúa Trịnh và sinh được một con trai, nhưng không có đủ sữa để nuôi, do đấy, Bà Đỏ, có tên là Nguyễn Thị Bảo, người làng Liễu Ngạn, tên nôm là làng Khe, đã dâng sữa để nuôi con Bà Trắng, nên dân gian trong vùng thường truyền nhau rằng: "Hậu đẻ, Khe nuôi".

P phía sau tượng Pháp Vân là pho tượng Thủ bệ (giữ bệ), được đặt trên một bệ đá hoa sen.

Toà Hậu đường là nơi bài trí các tượng giống như việc bài trí ở các toà Tam bảo tại các ngôi chùa Việt khác, nên thường được gọi là Tam bảo hậu.

Ngoài các tượng kể trên, ở hai dãy hành lang hai bên còn có tượng Thập bát La Hán.

2.1.2 - *Chùa Tổ*: còn gọi là chùa Mãn Xá, tên chữ là Phúc Nghiêm tự, thuộc thôn Mãn Xá, xã Hà Mãn, cách phía Tây chùa Dầu khoảng 1km. Tương truyền, chùa được xây dựng trên

nền nhà của ông, bà Tu Định (bố, mẹ của Man Nương) - vì thế, chùa quay hướng Nam (theo hướng nhà ở cũ), trong khi đó, chùa Dâu và tất cả các chùa Tứ Pháp khác trong vùng đều quay hướng Tây. Các công trình xây dựng chính của chùa được quy hoạch theo kiểu chữ "công", gồm các toà Tiền đường, Thiêu hương, Thượng điện, đều có kết cấu kiến trúc đơn giản.

Phật điện chùa Tổ cũng khá đặc biệt, thể hiện qua việc bài trí ở toà Thượng điện: Tượng Phật mẫu Man Nương được bày ở trung tâm Phật điện; phía sau Man Nương, nhưng ở cao hơn, là tượng ông Tu Định (ở bên trái) và bà Tu Định (ở bên phải), được đặt trong hai khám thờ. Phía trước tượng Man Nương là một pho tượng nhỏ, đặt trong khám thờ, thường được gọi là tượng đức Thánh Tải. Tượng nhà sư Khâu Đà La được bày ở gian bên trái Thượng điện, trên ban thờ áp bức tường hậu.

Ngoài các pho tượng trên và một số hiện vật quý (như bia đá, chuông khánh bằng đồng, các đồ thờ cúng...), tại chùa Tổ còn có hai "di tích" rất độc đáo, đó là:

- Dấu vết nơi Man Nương cắm cây "tích tượng" xuống đất để khơi nguồn nước cứu hạn cho dân trong vùng. Dấu vết này nay đã được xây bó gạch ở xung quanh, tạo thành một giếng tròn nhỏ, nằm trên mảnh đất ở phía bên trái thượng điện.

- Tháp mộ Man Nương: được xây dựng ở ngay trong cổng chùa, phía bên phải. Tương truyền, sau khi Man Nương "hoá" tại đây, nhân dân đã xây dựng tháp mộ này.

2.1.3- Chùa Đậu: Chùa Đậu, tên chữ là "Thành Đạo tự", thuộc thôn Đại Tự, xã Thanh Khương, ở về phía Đông Nam chùa Dâu và cách chùa Dâu khoảng 200m về phía Đông Bắc chùa. Chùa quay hướng Tây.

Chùa Đậu là nơi thờ Phật Pháp Vũ. Xưa kia, chùa cũng có quy mô to lớn, nhưng trong thời kỳ Kháng chiến chống Pháp, chùa đã bị giật phá. Từ đó, tượng Pháp Vũ được chuyển về đặt trên Thượng điện chùa Dâu. Di vật của chùa còn trên nền đất cũ chỉ là một tấm bia 4 mặt, khắc năm Đinh Tỵ, niên hiệu Vĩnh Hựu (1737), nội dung ghi về việc cúng giỗ tại chùa (gần đây, nhân dân làng Đại Tự, được sự hỗ trợ của một số vị sư trong vùng, đã cùng nhau đóng góp tiền của, công sức để xây dựng một ngôi chùa mới trên khu đất chùa Đậu xưa).

2.1.4- *Chùa Tướng*: tên chữ là Phi Tướng tự, thờ Phật Pháp Lô. Chùa thuộc thôn Thanh Tương, xã Thanh Khương, được xây dựng trên một gò đất tại góc Tây Nam thành Luy Lâu. Chùa ở về phía Bắc chùa Dâu và cách chùa Dâu khoảng 600m.

Chùa quay hướng Tây. Các công trình kiến trúc chính của chùa gồm ba toà: Tiền đường, Thiêu hương, Thượng điện. Trong ba toà nhà này, chỉ có Thiêu hương và Thượng điện là công trình kiến trúc cổ còn lại (tuy cũng đã được sang sửa nhiều), còn toà Tiền đường là công trình mới được xây dựng. Sau cụm kiến trúc chính này là toà Tam bảo hậu, cũng vừa mới được xây dựng lại.

Phật điện chính của chùa Tướng, được bài trí tại gian giữa Thượng điện, cũng rất đơn giản. Chiếm vị trí trung tâm là tượng Pháp Lô. Phía trước Pháp Lô là tượng đức Thánh Tải (con gái Pháp Lô), được đặt trên một ngai gỗ nhỏ. Phía sau Pháp Lô là tượng Thủ bộ. Ngoài ra, ở gian bên trái thượng điện còn có một ban thờ nhỏ, trên đó có một bia tượng bằng đá xanh chạm khắc rất tinh tế. Bia tượng này được làm vào năm Chính Hoà thứ 18 (1697), trên đó khắc rõ tên những người đã công đức tiền của để dựng Tiền đường, Thiêu hương, Hậu đường, hành lang hai bên, gác chuông và tam quan chùa đương thời.

2.1.5- *Chùa Dàn*: thuộc thôn Phương Quan (nên còn gọi là chùa Phương Quan), xã Trí Quả, ở về phía Tây Bắc chùa Dâu và cách chùa Dâu gần 2km. Chùa quay hướng Tây.

Gọi là chùa, nhưng thực ra đây là một công trình tôn giáo - tín ngưỡng có chức năng thờ phụng theo kiểu tiền thần, hậu Phật (ở đây, để tiện trình bày, chúng tôi tạm sử dụng cách gọi trong dân gian về di tích này, là "chùa"). Các công trình kiến trúc chính của chùa bố cục theo kiểu chữ "công", thứ tự từ phía ngoài vào, như nhân dân ở đây thường gọi, là: Tiền đường, Thiêu hương và Thượng điện. Các công trình này được sử dụng như sau:

- Tiền đường và Thiêu hương là nơi thờ thành hoàng làng (chưa rõ tên và lai lịch). Gian Thiêu hương được sử dụng như một hậu cung đình - ở phía trước gian thờ này cũng có bức đại tự ghi 4 chữ Hán "Thánh cung vạn tuế". Đặc biệt, tại gian bên phải của Tiền đường (tiếp liền gian giữa), hiện có ban thờ ông tổ nghề câu

(cá) của làng - Ban thờ nhỏ, trên có đặt bát hương và một khám gỗ, trong khám xưa có tượng ông tổ nghề cá, nhưng nay đã bị mất.

- Thượng điện mới đảm nhiệm chức năng của một ngôi chùa. Đây là nơi thờ Phật Pháp Điện, với cách bài trí Phật điện cũng tương tự các chùa thờ Tứ Pháp khác: Pháp Điện được đặt tại vị trí trung tâm Phật điện, phía trước là tượng Đức Thánh Tản đặt trên ngai gỗ, phía sau là tượng Thủ bệ, cũng đặt trên ngai gỗ. Rất tiếc, tượng Thủ bệ nay đã bị mất.

Ngoài các công trình kiến trúc kể trên, chùa Dàn cũng có toà Tam bảo hậu, nhưng được xây tách hẳn ra phía sau Thượng điện. Đây là nơi bài trí thờ phụng như toà Tam bảo ở các ngôi chùa Việt khác.

Như vậy, thực tế bố cục kiến trúc và việc được sử dụng làm nơi thờ cúng kiểu "tiền thần hậu Phật" của chùa Dàn, như vừa trình bày, tự nó đã thể hiện những nét riêng biệt và độc đáo của di tích này trong hệ thống các chùa thờ Tứ Pháp.

2.1.6- *Một số ngôi chùa Tứ Pháp khác ở vùng Dầu:* Ngoài di tích các chùa Tứ Pháp kể trên, ở vùng Dầu còn có một số ngôi chùa khác cũng thuộc về nhóm di tích các chùa Tứ Pháp. Những ngôi chùa này có một số điểm chung sau đây: đối tượng thờ chính hoặc là Tứ Pháp, hoặc là "chi càn" của Tứ Pháp, "học trò" của Tứ Pháp; cách bài trí Phật điện tương tự Phật điện các chùa Tứ Pháp (đã trình bày); ngày hội chùa trùng với ngày hội Dầu (mồng 8 tháng 4 Âm lịch)... Tiêu biểu là:

- *Chùa Huệ Trạch:* ở làng Xuân Quan (Dàn Chợ), xã Trí Quả. Đây là nơi thờ Phật Pháp Thông (Đại Thánh Pháp Thông Vương Phật), một "học trò" của Tứ Pháp.

- *Chùa Đại Trạch:* ở làng Đại Trạch, xã Đình Tổ, cũng là nơi thờ Phật Pháp Thông.

- *Chùa Hà:* ở làng Công Hà, xã Hà Mãn, là nơi thờ Bà Hà, một "chi càn" của bà Dầu (Pháp Vân).

- *Chùa Đông Cốc:* ở làng Đông Cốc, xã Hà Mãn, là nơi thờ Phật Pháp Vũ.

- *Chùa Ngọc Trì* (ở làng Ngọc Trì), chùa Ngọc Nội (ở làng Ngọc Nội), chùa Thuận An (ở làng Thuận An), chùa Đức Nhân (ở làng Đức Nhân), chùa Nghi An (thuộc làng Nghi An) - đều thuộc xã Trạm Lộ - cũng là những nơi thờ Tứ Pháp.

Sự xuất hiện các ngôi chùa Tứ Pháp kể trên đã khách quan minh chứng cho sự lan toả và ảnh hưởng sâu rộng của trung tâm Phật giáo Dầu tới đời sống tôn giáo, tín ngưỡng của nhân dân các vùng gần xa. Các di tích này chính là những bổ sung quan trọng cho nhóm di tích chùa Tứ Pháp tại trung tâm vùng Dầu.

2.2- *Một số di tích có liên quan đến trị sở chính quyền đô hộ phương Bắc tại vùng Dầu trong những thế kỷ đầu Công nguyên*

2.2.1- *Thành Luy Lâu:* có nhiều tên gọi: Luy Lâu, Liên Lâu, Dinh Lâu, Doanh Lâu, Lũng Khê..., nhưng thường được gọi là thành Luy Lâu. Đây là nơi đặt trị sở của chính quyền đô hộ phương Bắc tại Giao Chỉ/Giao Châu trong nhiều thế kỷ thuộc thời kỳ Bắc thuộc. Toà thành này nằm trên một dải đất cao hơn hẳn xung quanh (dải đất ấy nay thuộc địa bàn các xã Thanh Khương, Trí Quả, huyện Thuận Thành). *Sách Đại Nam nhất thống chí* (tập IV) chép: "Thành cũ Lũng Khê: ở xã Lũng Khê, huyện Siêu Loại. *An Nam chí* chép "trụ sở của Sĩ Nhiếp ở thành Luy Lâu", tức là chỗ này"<sup>5</sup>. Theo đơn vị hành chính hiện nay, thành thuộc làng Lũng Khê, xã Thanh Khương.

Di tích hiện còn cho thấy, thành Luy Lâu bao gồm hai vòng thành đất là: thành ngoại và thành nội.

Thành ngoại hình chữ nhật, hơi lệch một chút: chiều dài lũy thành phía Bắc khoảng 680m, phía Nam khoảng 520m, phía Tây khoảng 330m, phía Đông khoảng 320m. Mặt cắt lũy thành (ở những đoạn còn rõ nhất) hình thang, chân thành (đáy lớn) rộng khoảng 25 - 40m; mặt thành (đáy nhỏ) rộng khoảng 6 - 10m; chiều cao thành khoảng 4 - 5m (so với mặt đất xung quanh). Ở trên mặt bốn góc thành, xưa kia có bốn đồn canh (còn gọi là "tứ trấn thành quan"), nay vẫn còn dấu tích. Trên lũy thành phía Tây (hướng chính của thành), ở vào khoảng giữa, có Vọng Giang lâu (lầu nhìn xuống sông). Bia "Lũng Khê từ Vọng Giang lâu ký" (hiện để trước đền Lũng) cho biết: "Xưa ở đây là lầu Vọng Giang. Thời gian đã qua lâu, không rõ lầu dựng khi nào và khi nào hỏng, rồi khi nào dựng nhà trạm..., chỗ nhà trạm đó sau lại dựng lầu, thì từ nay mới là bắt đầu vậy".

Thành ngoại được bao bọc bởi một hệ thống hào thông với nhau. Ở phía Tây, ngoại



hào chính là sông Dâu; ở 3 phía còn lại, ngoài hào hình thành do việc đào đất đắp thành, dấu vết còn lại đến nay là những dãy mương, ao rộng hẹp không đều. Cửa nước - cửa thoát nước của thành, là một con hào chạy xuyên qua lũy thành ở gần góc Đông Nam; đây là lối thoát nước từ trong thành ra bên ngoài (mỗi khi mưa úng).

Thành nội nằm ở vào khoảng gần giữa thành ngoài, hơi lệch về phía Bắc, hiện nay chỉ còn dấu tích là những bờ đất cao chạy bao quanh khu đền Lũng. Thành nội có hình gần vuông, mỗi cạnh khoảng 100m (hai góc Tây Bắc và Đông Nam lõm vào một góc vuông nhỏ). Cửa thành nằm chính giữa hướng Tây (lối đi vào đền Lũng hiện nay).

#### 2.2.2- Một số di tích ở trong thành Luy Lâu

- *Đền Lũng*: được xây dựng ở khoảng chính giữa thành nội, là nơi thờ Sĩ Nhiếp. Đền nhìn hướng Tây. Tương truyền, khi Sĩ Nhiếp làm thái thú, ông ta đã cho mở trường dạy học tại đây. Xưa kia, đền có quy mô lớn, kiến trúc theo kiểu "nội công ngoại quốc", nhưng đến nay, các công trình ấy hầu hết đã bị hư hỏng. Gần đây, nhân dân địa phương có tu tạo nhỏ: dựng lại một dãy nhà ở phía trước, tu bổ toà nhà phía sau làm nơi đặt tượng Sĩ Nhiếp và ban thờ ông.

Phía trước đền là sân lát gạch. Hai bên sân dựng 8 bia đá lớn nhỏ khác nhau. Các bia này có niên đại thuộc hai thời Lê - Nguyễn, nội dung ghi lại nhiều sự kiện lịch sử của thành Luy Lâu và đền Lũng. Tiếp với sân đền, ở phía ngoài, là ao đền. Ao hình bầu dục, có cầu đá bắc qua, làm lối đi vào đền. Cầu đá gồm 7 phiến đá ghép lại. Ở đầu các thanh dầm đỡ các phiến đá đó có chạm khắc hình hoa lá, đầu hổ phù, cá chép...

- *Lăng Ông Tiên*: nay là một gò đất hình gần vuông (mỗi cạnh khoảng 10m), cao hơn mặt đất xung quanh gần 1m. Gò đất này nằm ở phía trước thành nội, lệch về bên trái. Tương truyền, khi Sĩ Nhiếp đóng ở trong thành, một đêm ông ta đang nằm ngủ, bỗng thấy vị Tiên ông hiện lên báo mộng rằng: ở đoạn sông Dâu trước cửa thành Luy Lâu có cây Dung thụ trôi về (cây Dung thụ mà Khâu Đà La đã "gửi" con gái Man Nương vào đó, ở trên miền Phật Tích, bị bão làm đổ và trôi về đây). Tiên ông khuyên Sĩ Nhiếp cho người vớt cây lên để tạc tượng Tứ

Pháp. Nói xong, Tiên ông đi ra đến khu đất nay là lăng rồi biến mất. Cũng có lời truyền rằng, khu đất này là nơi đã được đào hố để chôn tất cả các phôi bào, gỗ vụn của việc tạc tượng Tứ Pháp, nên di tích này được gọi là đồng Răm.

#### 2.2.3- Một số di tích khác có liên quan đến thủ phủ Luy Lâu thời Bắc thuộc

- *Đền và lăng Sĩ Nhiếp*: được xây dựng kế liền nhau, trên một gò đất cao rộng, ở phía Tây làng Tam Á, xã Gia Đông (cách thành Luy Lâu khoảng 2km về phía Đông).

Ngôi đền còn lại đến ngày nay là công trình kiến trúc thời Nguyễn, bao gồm cổng "ngũ môn", nhà Tiền tế (5 gian), nhà Chuôi võ (2 gian) và Hậu cung (1 gian). Trong đền có ngai thờ Sĩ Nhiếp, phía trước đặt 12 tượng quan văn võ (2 hàng) làm bằng gỗ, kích thước lớn như người thật.

Kế liền hồi phía Bắc của đền là lăng Sĩ Nhiếp. Đây là một gò đất có tường xây bao quanh, cửa mở về hướng Bắc. Mặt gò đất này để trống trải (tương truyền, trồng cây gì trên gò đất này cũng bị chết). Ngoài cửa lăng, ở phía bên phải, có đặt một con cừu tạc bằng đá muối, niên đại khoảng thế kỷ II - III - con cừu này giống hệt con cừu đá đặt ở trước tháp Hoà Phong - chùa Dâu.

- *Các ngôi mộ cổ thời Bắc thuộc*: Hiện nay, trên khắp cánh đồng ở vùng Dâu, vẫn còn rất nhiều gò đồng lớn nhỏ. Về những gò đồng này, một truyền thuyết trong vùng kể rằng: Xưa kia, có một đàn phượng hoàng, vừa đứng trăm con, từ xa bay về vùng Dâu định tìm chỗ đậu xuống, nhưng vì trên đất này chỉ có chín chín gò đất, mà mỗi con phượng cần một gò để đậu, nên thiếu một gò. Vì thế, sau khi lượn nhiều vòng, đàn phượng lại bay đi nơi khác. Người vùng Dâu thấy vậy, cứ tiếc mãi - vì nếu đàn phượng đậu xuống đây, đất này sẽ thành "đế đô".

Có lẽ đây là câu chuyện chuyển tải những hoài niệm của người dân nơi đây về vùng Dâu một thời là mảnh đất thiêng, đã từng giữ vai trò một trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá quan trọng của đất nước trong nhiều thế kỷ; nhưng rồi, vai trò đó đã được chuyển dịch tới một vùng đất khác.

Thực chất, những gò đất gắn với câu chuyện trên, chính là những ngôi mộ cổ, được xây cất trong suốt thời kỳ "Bắc thuộc". Chủ

nhân của những ngôi mộ này, như hiện biết, chủ yếu là các quan lại của chính quyền đô hộ phương Bắc và những người Hán giàu có, đã sinh sống (và chết) tại đây. Cũng vì thế, các ngôi mộ này thường được gọi chung là mộ Hán.

Những năm qua, trong khi sản xuất, nhân dân trong vùng đã đào phá một số gò đất này làm xuất lộ nhiều ngôi mộ cổ. Các nhà khảo cổ cũng đã tiến hành khai quật (chủ động hoặc "chữa cháy") một số gò đồng/mộ cổ này. Các kết quả nghiên cứu đã cho thấy, các ngôi mộ này "phần lớn được xây từ thời Đông Hán đến Lục Triều "và đều được" đặt ở nơi cao ráo, có mật độ dày đặc ở gần các trung tâm cổ (Luy Lâu và Long Biên). Chúng đều được xây bằng gạch, theo lối cuốn vòm, không có vôi vữa. Các viên gạch có hình múi bưởi xếp khít với nhau mà tạo thành vòm..."?

**2.3- Một số di tích là nơi thờ các "tướng" của Hai Bà Trưng**

Ở vùng Dâu/Luy Lâu còn có những di tích phản ánh các cuộc khởi nghĩa giành độc lập của nhân dân ta. Tiêu biểu trong số đó, là các di tích về cuộc Khởi nghĩa Hai Bà Trưng. Những di tích này hầu hết là các đình, đền, nghè - nơi thờ các vị, được các thần tích và truyền thuyết ghi nhận, là các tướng lĩnh đã từng tham gia cuộc Khởi nghĩa Hai Bà Trưng, nổ ra vào mùa xuân năm 40 - Bao gồm: đền Văn Quan (xã Trí Quả) - thờ chị em) Á Tắc, Á Dị, đền Thiện (xã Thanh Khương) - thờ (Bà) Biểu Phật Nương, đình Doãn Thượng (xã Xuân Lâm) - thờ vợ chồng Tạ Thông - Đề Nương, đình Thanh Bình (xã Xuân Lâm) - thờ (ông) Mộc Hoàn, đình Đa Tiện (xã Xuân Lâm) - thờ (ông) Mộc Hoàn, đình Dư Xá (xã Ninh Xá) - thờ

(ông) Hùng Bàn, đình Bùi Xá (xã Ninh Xá) - thờ (ông) Thiên Bình, nghè Bún (xã Trạm Lộ) - thờ (ông) Đặng Đường Hoàn, đình Ngọ Xá (xã Hoài Thượng) - thờ (3 anh em có tên) Hùng, Bảo, Quốc.

Các di tích kể trên, cùng với khoảng hơn 40 di tích cùng loại này hiện còn trên đất Bắc Ninh và vùng phụ cận, đã góp phần phản ánh tính đặc thù của cuộc Khởi nghĩa Hai Bà Trưng - một cuộc khởi nghĩa phát triển "với hai xu hướng: Vừa quy tụ vào cuộc khởi nghĩa ở cửa sông Hát do Hai Bà Trưng trực tiếp chỉ huy, mở những mũi tiến công quyết định vào Mê Linh (Đô úy trị) và Luy Lâu (đình Thái thú - trung tâm của chính quyền đô hộ), tạo ra bước ngoặt căn bản giải phóng đất nước; vừa trải rộng ra toàn bộ đất nước như là một sự nhất tề nổi dậy trên khắp mọi miền. Hai xu hướng này hỗ trợ cho nhau, kết hợp chặt chẽ với nhau, đưa cuộc khởi nghĩa nhanh chóng đến thắng lợi hoàn toàn"<sup>16</sup>.

(Kỳ sau đăng tiếp...)  
N.H.T

**Chú thích:**

- 1- Luật di sản văn hóa và Nghị định hướng dẫn thi hành, Nxb. Chính trị Quốc gia, H. 2002, Tr. 13
- 2- Đại Nam nhất thống chí, Tập IV (bản dịch), Nxb. Khoa học Xã hội, H.1971, Tr.109.
- 3- Nguyễn Mạnh Cường (1995), *Chùa Dâu và hệ thống chùa Tứ Pháp*, Luận văn Phó tiến sĩ Khoa học Lịch sử, Viện Khảo cổ học, Tr. 21.
- 4- Nguyễn Mạnh Cường (1995), *Chùa Dâu và hệ thống chùa Tứ Pháp*, Sđd, Tr. 35.
- 5- Đại Nam nhất thống chí, Tập IV, Sđd, Tr. 87.
- 6- Lịch sử Hà Bắc, Tập. 1, Hội đồng Lịch sử tỉnh Hà Bắc xuất bản, Hà Bắc, 1986, Tr. 52 - 53.

**NGUYỄN HỮU TOÀN: AN EXPLORATION OF VIETNAMESE CULTURAL HISTORY THROUGH RELICS IN THE DÂU REGION**

Giving historical and cultural monuments as enriched archives that genuinely reflect the historical evolution of Vietnamese cultures, the author has conducted field researches of several monuments in the Dâu region. These relics included the Dâu and Tứ Pháp pagodas, with historical connection to the Chinese domination in the first centuries. These monuments also served as a worship place of Trưng Sisters' commanders. The article provides some remarkable comments and discussions which will be introduced in the next issue.